TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2017
V/v "Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đức Bản và bà Nguyễn Thị Vòng.
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên toà: Ông Ngô Hải Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 325/2016/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2016 về "Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971;
Địa chỉ: Thôn M, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T (còn có các tên gọi khác Nguyễn Quang T, Nguyễn Văn Th), sinh năm 1966;
Địa chỉ: Thôn M, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 14/12/2016, được bổ sung tại bản tự khai và phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc Th (còn có các tên gọi khác Nguyễn Quang Th, Nguyễn Văn Th) đã được Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết cho ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 05/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2014. Về phần tài sản chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn giữa chị và anh Th không thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung của vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân. Theo trình bày của chị H thì trong thời kỳ hôn nhân chị H và anh Th có tạo lập được tài sản chung yêu cầu Toà án chia như sau: Nhà và đất tại thôn M, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, gồm: 01 ngôi nhà chính cấp 4 đổ bằng 01 tầng, diện tích xây dựng 70,14 m^2 và 01 ngôi nhà bếp đơn giản, diện tích 37,39 m^2 gắn liền với quyền sử dụng đất 270 m^2, trong đó đất ở 200 m^2, đất vườn 70 m^2, thửa đất số 118, tờ bản đồ số 01, tại (thôn

M) xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND thị xã Đồng Hới (nay là UBND thành phố Đồng Hới) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L645086; vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00016 QSD/266 QĐ/UB ngày 11/02/1998, đứng tên chủ sử dụng đất ông Nguyễn Ngọc Th.

Nguồn gốc tài sản nhà và đất: Diện tích đất do vợ chồng tự khai hoang để ở, sau đó được Nhà nước công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai vợ chồng vào năm 1998. Do thời kỳ đó theo quy định của Nhà nước, nên anh Th chồng chị H đại diện cho vợ chồng kê khai và đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng. Chị H khẳng định đất trên có nguồn gốc là của vợ chồng theo quy định của Luật đất đai. Về nhà ở, ngôi nhà chính được xây dựng vào năm 2000, ngôi nhà bếp xây dựng và sau đó cải tạo hoàn thiện năm 2010, tài sản này do vợ chồng tự làm, có vay mượn thêm người thân. Chị H nhất trí tổng giá trị tài sản nhà và đất như kết quả thẩm định giá của Công ty định giá và tư vấn đầu tư Đà Nẵng xác định là 1.010.696.000 đồng. Chị H không nhất trí giá tài sản là 500.000.000 đồng như ý kiến của anh Th nêu ra tại bản tự khai gửi cho Toà án.

Ngoài tài sản nhà và đất nêu trên, còn có một số tài sản khác là vật dụng sinh hoạt trong gia đình, giá trị tài sản không lớn, thời gian sử dụng đã lâu, hiện nay giá trị còn lại không đáng kể, nên chị H không yêu cầu Toà án phân chia.

Về nợ chung: Theo trình bày của chị H, trong quá trình chung sống, vợ chồng có vay ngân hàng và vay của một số người thân một số tiền để phục vụ việc xây nhà và các công việc làm ăn, do đó trong đơn khởi kiện chị yêu cầu Toà án giải quyết khoản nợ chung này. Tuy nhiên, theo trình bày của chị H, sau khi ly hôn hai bên đã trả được một số khoản nợ, như anh Th đã trả được khoản nợ vay tại Ngân hàng, chị trả được một số khoản nợ cho anh chị em của chị. Hiện nay, giữa chị và anh Th tự thoả thuận để mỗi người có trách nhiệm trả nợ theo phần của mình (tại bản khai ngày 26/7/2017 anh Th cũng thừa nhận nội dung này), nên chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo trình bày của chị H trước đây chị đưa ra giá tài sản và hướng phân chia tài sản, chị và anh Th người nào lấy nhà và đất thì bù tiền chênh lệch tài sản cho bên kia 1/2 giá trị tài sản, nhưng anh Th không nhất trí.

Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản theo quy định của pháp luật, cụ thể: Tài sản yêu cầu phân chia là nhà và đất tại thôn M, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (được mô tả như phần trên); giá tài sản là 1.010.696.000 đồng. Tài sản này được chia đôi mỗi người được hưởng 1/2 giá trị tài sản là 505.348.000 đồng. Yêu cầu chia toàn bộ nhà và đất nêu trên cho chị H được sở hữu và sử dụng để sinh sống chung với các con hiện tại chưa lập gia đình và bù tiền chênh lệch tài sản cho anh Th số tiền là 505.348.000 đồng; vì hiện nay anh Th đã lấy vợ mới, có cuộc sống riêng, bản thân chị hiện tại đang phải thuê nhà trọ để sinh sống, điều kiện tạo lập chỗ ở mới rất khó khăn.

* Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Th (còn có các tên gọi khác Nguyễn Quang Th, Nguyễn Văn Th), trong quá trình giải quyết vụ án đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng từ chối đến Toà án để giải quyết vụ án. Tại bản tự khai đề ngày 26/7/2017 gửi cho Toà án anh Th có nêu ý kiến như sau: Anh Th thừa nhận giữa anh và chị H đã được Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết cho ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 05/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2014;

về tài sản chung các bên tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết, nhưng sau đó hai bên không thoả thuận được việc phân chia tài sản. Anh Th thừa nhận tài sản nhà và đất như chị H kê khai là tài sản chung của anh và chị H tạo dựng được trong thời kỳ còn là vợ chồng; anh Th đưa ra giá của tài sản là 500.000.000 đồng và có nguyện vọng được chia toàn bộ nhà và đất nêu trên để sinh sống cùng hai con vì hiện tại không có chỗ ở nào khác.

Về nợ chung: Đến tại thời điểm hiện nay các khoản nợ đã trả xong, anh và chị H đã thoả thuận trách nhiệm của mỗi người trong việc trả nợ, nên đề nghị Toà án không giải quyết phần nợ chung.

* Ý kiến của đại diện Kiểm sát viên tại phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án: Xét bị đơn không hợp tác trong quá trình gải quyết vụ án, đưa ra giá tài sản quá thấp so với thực tế, không đảm bảo quyền lợi của các bên khi phân chia tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận giá tài sản như nguyên đơn thừa nhận tại phiên toà, chia đôi tài sản mỗi người được hưởng 1/2 giá trị tài sản; đề nghị giao nhà và đất cho nguyên đơn vì hoàn cảnh nguyên đơn là phụ nữ, khó khăn hơn trong việc tạo lập chỗ ở; nguyên đơn phải giao tiền chênh lệch tài sản cho bị đơn số tiền bằng 1/2/giá trị tài sản đã được thẩm định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H để giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Do tài sản chung của chị H và anh Th được hình thành trong suốt quá trình từ năm 1998 cho đến nay; đến nay đương sự mới yêu cầu giải quyết, nên áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết việc chia tài sản, nhưng cần áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình 1986, 2000 để xem xét về chế độ tài sản chung của vợ chồng.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Th, quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn từ chối nhận và không đến làm việc tại Toà án. Ngày 26/7/2017 Toà án có nhận được bản tự khai của bị đơn nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 02/8/2017 Hội đồng định giá do Toà án thành lập tiến hành định giá tài sản tranh chấp nhưng bị đơn anh Th không hợp tác, không đồng ý việc Hội đồng định giá tiến hành định giá tài sản; Hội đồng định giá tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành định giá được; trong biên bản bị đơn có nêu ý kiến từ chối nhận các văn bản tố tụng, yêu cầu Toà án không được gửi các văn bản của Toà án cho anh Th. Toà án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Toà án theo quy định của pháp luật để tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tại phiên toà lần

thứ nhất ngày 14/9/2017 bị đơn anh Th đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà lần thứ 2 ngày 29/9/2017 bị đơn anh Th được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung do nguyên đơn và bị đơn tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân gồm các tài sản sau: Nhà và đất tại địa chỉ thôn M, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, gồm: 01 ngôi nhà chính cấp 4 đổ bằng 01 tầng, diện tích xây dựng 70,14 m^2 và 01 ngôi nhà bếp đơn giản, diện tích 37,39 m^2 gắn liền với quyền sử dụng đất 270 m^2, trong đó đất ở 200 m^2, đất vườn 70 m^2, thửa đất số 118, tờ bản đồ số 01, tại (thôn M) xã B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND thị xã Đồng Hới (nay là UBND thành phố Đồng Hới) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L645086; vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00016 QSD/266 QĐ/UB ngày 11/02/1998, đứng tên chủ sử dụng đất ông Nguyễn Ngọc Th.

Theo trình bày của nguyên đơn chị H thì tài sản nhà và đất yêu cầu chia nêu trên là thuộc tài sản chung hợp pháp của chị H và anh Th tạo lập được trong thời còn chung sống vợ chồng; năm 2012 khi giải quyết việc ly hôn Toà án đã tiến hành thẩm định, định giá tài sản; hiện trạng tài sản này từ đó đến nay không có thay đổi gì. Bị đơn anh Th trong bản tự khai ngày 26/7/2017 gửi cho Toà án thừa nhận tài sản nhà và đất mà chị H yêu cầu Toà án chia là tài sản chung của vợ chồng tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân. Do các đương sự nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận về tài sản chung nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Việc các đương sự thừa nhận với nhau về tài sản chung nêu trên phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, 2000 và 2014 về chế độ tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tài sản nhà và đất tại địa chỉ thôn M, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình mà chị H yêu cầu Toà án chia nêu trên là tài sản chung hợp pháp của chị H, anh Th tạo dựng được trong thời kỳ còn là vợ chồng.

[4] Về giá tài sản: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị H đưa ra giá tài sản nêu trên lần lượt là 800.000.000 đồng và 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó do bị đơn anh Th không hợp tác, đưa ra giá tài sản quá thấp, nên để đảm bảo quyền lợi của các bên, nguyên đơn đã yêu cầu cơ quan thẩm định giá độc lập tiến hành thẩm định giá của tài sản. Tại phiên toà nguyên đơn chị H thống nhất giá tài sản theo kết quả thẩm định giá Công ty định giá và tư vấn đầu tư Đà Nẵng xác định là 1.010.696.000 đồng để làm căn cứ chia tài sản. Bị đơn anh Th trong bản tự khai ngày 26/7/2017 gửi cho Toà án có đưa ra giá tài sản là 500.000.000 đồng, nhưng sau đó do không hợp tác, từ chối đến làm việc, từ chối việc định giá do Toà án tiến hành, nên không thống nhất được về giá tài sản tranh chấp.

Xét thấy: Giá tài sản được nguyên đơn thừa nhận tại phiên toà, dựa trên cơ sở kết quả thẩm định giá của cơ quan thẩm định giá độc lập; xét thấy giá tài sản này cao hơn giá tài sản do nguyên đơn đưa ra trước đây và cao hơn rất nhiều so với giá tài sản do bị đơn đưa ra. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự, Hội đồng xét xử qua xem xét chấp nhận ý kiến của nguyên đơn tại phiên toà, xác định giá tài sản theo kết quả thẩm định giá là 1.010.696.000 đồng.

[5] Về phân chia tài sản: Theo chị H trình bày thì trước đây chị đưa ra giá tài sản, giữa chị và anh Th người nào lấy nhà và đất thì bù tiền chênh lệch tài sản cho bên kia 1/2 giá trị tài sản, nhưng anh Th không nhất trí. Nguyên vọng chị hiện nay do anh Th đã lấy vợ mới, có cuộc sống riêng, hiện tại chị đang phải thuê nhà trọ để sinh sống, điều kiện tạo lập chỗ ở rất khó khăn. Vì vậy, xin được chia toàn bộ nhà và đất để sinh sống cùng với các con của chị chưa lập gia đình. Chị sẽ bù tiền chênh lệch tài sản cho anh Th bằng tiền theo tỷ lệ bằng 1/2 giá trị tài sản nêu trên. Bị đơn anh Th vắng mặt tại phiên toà nhưng trong bản tự khai ngày 26/7/2017 cũng có nguyện vọng được lấy nhà và đất.

Xét các yêu cầu của các đương sự thấy rằng: Cả nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng được lấy nhà và đất, nhưng bị đơn lại đưa ra giá tài sản 500.000.000 đồng là quá thấp so với giá thực tế của tài sản như kết quả thẩm định giá làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự khác khi không được chia tài sản bằng hiện vật. Do các đương sự đều có nguyện vọng nhận tài sản bằng toàn bộ hiện vật, không yêu cầu chia đôi. Bị đơn không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án, nên Toà án không thể xem xét hiện trạng tài sản, nhưng trên cơ sở sơ đồ hiện trạng tài sản được đo vẽ năm 2012 và mô tả tài sản tại chứng thư thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá, thì tài sản này không thể chia bằng hiện vật, vì nếu chia sẽ phải tháo dỡ một phần công trình nhà ở trên đất, ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên. Quá trình trước đó nguyên đơn đưa ra hướng giải quyết phân chia tài sản nếu bị đơn lấy nhà và đất thì giao tiền bằng 1/2 giá trị tài sản cho nguyên đơn, nhưng bị đơn không có ý kiến. Hiện tại, nguyên đơn đưa ra giá tài sản như giá của cơ quan thẩm định giá và có nguyện vọng nhận toàn bộ nhà và đất và bù tiền chênh lệch tài sản cho bị đơn là đảm bảo quyền lợi cho các bên khi chia tài sản.

Xét nguyên đơn là phụ nữ, gặp khó khăn trong việc tạo lập chỗ ở mới và có nhu cầu cần được lấy nhà và đất để ổn định cuộc sống, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chia cho nguyên được sở hữu, sử dụng nhà và đất nêu trên. Do nguyên đơn được chia tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng nên phải thanh toán cho bị đơn phần chênh lệch tài sản, là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các bên đương sự trong vụ án.

[6] Đối với các tài sản khác và các khoản nợ chung, do các đương sự không có yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

* Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 29, 33, 34, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95, 97, 98, 99, 100, 104, 105, 106, 166 Luật đất đai năm 2013; Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 9 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Ngọc Th (còn có tên gọi khác Nguyễn Quang Th, Nguyễn Văn Th) về chia tài sản sau ly hôn.

2- Xác định tài sản chung của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc Th yêu cầu Toà án chia là nhà và đất tại xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, gồm:

- 01 ngôi nhà chính cấp 4 đổ bằng 01 tầng, diện tích xây dựng 70,14 m^2 và 01 ngôi nhà bếp đơn giản, diện tích 37,39 m^2, gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 270 m^2, trong đó đất ở 200 m^2, đất vườn 70 m^2, tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 01, địa chỉ tại (thôn M) xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND thị xã Đồng Hới (nay là UBND thành phố Đồng Hới) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L645086; vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00016 QSD/266 QĐ/UB ngày 11/02/1998, đứng tên chủ sử dụng đất ông Nguyễn Ngọc Th.

- Tổng giá trị tài sản là 1.010.696.000 đồng.

3- Tài sản được chia như sau:

- Về giá trị: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Ngọc Th mỗi người được chia 1/2 giá trị tài sản tính bằng tiền là 505.348.000 đồng.

- Về hiện vật: Giao cho chị Nguyễn Thị H được sở hữu và sử dụng toàn bộ nhà và đất, gồm: 01 ngôi nhà chính cấp 4 đổ bằng 01 tầng, diện tích xây dựng 70,14 m^2 và 01 ngôi nhà bếp đơn giản, diện tích xây dựng 37,39 m^2, gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 270 m^2, trong đó đất ở 200 m^2, đất vườn 70 m^2, tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 01, địa chỉ tại (thôn M) xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND thị xã Đồng Hới (nay là UBND thành phố Đồng Hới) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L645086; vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00016 QSD/266 QĐ/UB ngày 11/02/1998, đứng tên chủ sử dụng đất ông Nguyễn Ngọc Th.

Chị Nguyễn Thị H có quyền tiến hành thủ tục để được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị H phải giao tiền chênh lệch tài sản cho anh Nguyễn Ngọc Th số tiền 505.348.000 đồng.

4- Án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu 24.213.920 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0000453 ngày 28/12/2016, còn lại phải nộp tiếp; bị đơn anh Nguyễn Ngọc Th phải chịu 24.213.920 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với số tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trong trường hợp bản án thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh QB;*
- *VKSND TP Đồng Hới;*
- *Chi cục THADS TP Đồng Hới;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hải